

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /2009/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2009

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1008

Ngày: 18 tháng 2 năm 2009

Kính chuyển: trong các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật;

chế độ bồi dưỡng trong hoạt động sự nghiệp thể dục, thể thao.

QUYẾT ĐỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT ngày 17 tháng 11 năm 2006 của Bộ Tài chính và Ủy ban Thể dục Thể thao quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2003 của Bộ Văn hóa, Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút đối với một số loại hình tác phẩm quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 103/2004/TTLT-BTC-UBTDTT ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài chính và Ủy ban Thể dục Thể thao hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng trong các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật; chế độ bồi dưỡng trong hoạt động sự nghiệp thể dục, thể thao;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng trong các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật; chế độ bồi dưỡng trong hoạt động sự nghiệp thể dục, thể thao (kèm theo Phụ lục 1 về chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng trong các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật; Phụ lục 2 về chế độ bồi dưỡng trong các hoạt động sự nghiệp thể dục, thể thao).

Nguồn kinh phí: Chi từ kinh phí sự nghiệp văn hóa và thể dục, thể thao được giao hàng năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày, đăng Báo Cần Thơ chậm nhất sau năm ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng trong các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật; chế độ bồi dưỡng trong hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- TV. UBND thành phố;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- TT. UBMTTQ TP và các Đoàn thể;
- Sở, ban ngành thành phố;
- TT. HĐND và UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- VP. UBND thành phố (3D);
- Báo Cần Thơ;
- TT. Công báo;
- TT. Lưu trữ;
- Lưu: VT.H.60

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn

Phụ lục 1



CHẾ ĐỘ CHI NHUẬN BÚT, BỒI DƯỠNG CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA THÔNG TIN VÀ NGHỆ THUẬT

Thực hành kèm theo Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Loại hình	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
A	CẤP THÀNH PHỐ			
I	Sáng tác			
1	Kịch bản lễ hội cấp khu vực, thành phố	Chương trình	6.000 - 12.000 và 12.000 - 18.000	Tùy theo quy mô, thời lượng chương trình sẽ định mức thù lao cụ thể từng kịch bản theo khung giá. Đối với các tác giả ngoài địa phương sẽ trả thù lao theo nguyên tắc thỏa thuận.
2	Kịch bản tuyên truyền cổ động	Vở	1.500 - 2.000	Từ 30 phút đến 45 phút
3	Tiểu phẩm sân khấu	Vở	400 - 650	Từ 7 phút đến 15 phút
4	Chập cải lương, kịch ngắn	Vở	1.500 - 2.000	Từ 25 phút đến 45 phút
5	Ca khúc	Bài	200 - 400	
6	Bài ca cổ, bản văn	Bài	150 - 300	
7	Sáng tác nhạc trong kịch	Vở	400 - 650	Cho các kịch bản TTCD và kịch ngắn trong đó có 1 ca khúc trong chủ đề.
8	Biên tập nhạc trong kịch	Vở	150 - 250	Chọn nhạc từ nguồn có sẵn trong băng đĩa
9	Múa đôi, đơn, ba - có tình tiết (Solo, DuO, Trio)	Tiết mục	400 - 650	Từ 7 phút đến 10 phút
10	Múa tập thể- có tình tiết	Tiết mục	400 - 650	Từ 7 phút đến 10 phút
11	Múa tập thể- sinh hoạt, minh họa	Tiết mục	450 - 700	Từ 7 phút đến 10 phút

12	Sáng tác nhạc các tiết mục múa	Tiết mục	300 - 500	Cả hòa âm phối khí - thành phẩm.
13	Thiết kế, biên tập chương trình ca múa nhạc (tạp kỹ)	Chương trình	550 - 1000	Từ 60 phút đến 90 phút
14	Hòa âm, phối khí ca khúc:	Bài		
	- SEQ		100 - 250	
	- Tổng phổ (4 nhạc cụ trở lên)		400 - 600	
15	Phác thảo tranh cổ động	Bức	200 - 400	Tùy theo khổ đứng 2 x 3 hay khổ nằm 4 x 12 mà chi trả theo khung giá.
16	Sáng tác maket sân khấu lễ hội	Chương trình	200 - 400	
17	Đề cương triển lãm ảnh chuyên đề	Cuộc	200 - 400	
18	Đề cương tờ gấp, bưu ảnh	Tờ	150 - 200	
19	Maket tờ gấp, bưu ảnh	Tờ	200 - 250	
II	Đạo diễn, dàn dựng, chỉ đạo nghệ thuật			
1	Tổng đạo diễn kịch bản lễ hội	Chương trình	6.000 - 12.000	Tùy theo quy mô, thời lượng chương trình sẽ định mức thù lao cụ thể từng kịch bản theo khung giá. Đối với tác phẩm ngoài địa phương sẽ trả thù lao theo nguyên tắc thỏa thuận.
2	Phó tổng đạo diễn kịch bản lễ hội	Chương trình	Hưởng từ 40% - 50% của tổng đạo diễn	
3	Đạo diễn, dàn dựng tiểu phẩm	Vở	250 - 350	
4	Đạo diễn, dàn dựng kịch bản tuyên truyền cổ động, chấp cải lương, kịch bản	Vở	1.000 - 1.500	Từ 30 phút - 45 phút
5	Đạo diễn chương trình ca múa nhạc	Chương trình	1.000 - 1.500	Chỉ chi cho chương trình dự thi và lễ hội.
6	Dàn dựng tiết mục ca (đơn, song, tốp)	Tiết mục	90 - 130	Chỉ chi cho chương trình dự thi và lễ hội.

7	Đạo diễn, dàn dựng hoạt cảnh	Tiết mục	400 - 650	
8	Chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy tổ chức biểu diễn	Chương trình	300 - 500	Riêng chương trình lễ hội hưởng từ 15% - 20% của Tổng đạo diễn.
III	Bồi dưỡng, biểu diễn và báo cáo chương trình			
1	Diễn viên (ca, múa, kịch)	Buổi	CBNV: 40-50 CTV: 50-60	Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá.
2	Nhạc công, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng	Buổi	CBNV: 50-60 CTV: 60-70	
3	Hậu đài, bảo vệ, vệ sinh	Buổi	30 - 40	
4	Dẫn chương trình và giới thiệu tiết mục (kể cả biên tập lời dẫn)	Chương trình	100 - 150	Chỉ áp dụng đối với các chương trình công diễn, liên hoan hội thi, hội diễn; đối với các chương trình hoạt động thường xuyên của đơn vị mức thù lao bằng với diễn viên.
5	Tổng đài	Chương trình	100 - 150	Chỉ áp dụng đối với các chương trình công diễn, liên hoan hội thi, hội diễn; đối với các chương trình hoạt động thường xuyên của đơn vị mức thù lao bằng với diễn viên.
IV	Tập dợt			Chương trình bình thường và dự thi cấp thành phố, quận, huyện không quá: 20 ngày, Chương trình lễ hội và dự thi cấp Trung ương, khu vực không quá 25 ngày.
1	Diễn viên (ca, múa, kịch)	Ngày	CBNV: 20 - 30 CTV: 30 - 40	Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá.
2	Nhạc công, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng	Ngày	CBNV: 30 - 40 CTV: 40 - 50	
3	Hậu đài, bảo vệ, vệ sinh	Ngày	20 - 30	
V	Ban Tổ chức, Ban Giám khảo liên hoan hội thi, hội diễn			Trưởng ban cộng thêm 10%, Phó ban: 5%
1	Ban Tổ chức	Ngày	40 - 50	Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá.
2	Ban Giám khảo	Buổi	90 - 130	

3	Thư ký	Buổi	50 - 70	
VI	Cổ động trực quan			
1	Kẻ vẽ panô, nước sơn	m2	35	
2	Băng rôn, decal bằng vải	m2	25	
3	Băng rôn in lụa	m	22 - 25	
4	Chuyên chở, lắp đặt, tháo dỡ panô		Theo hợp đồng cụ thể từng chuyến	
5	Công treo, tháo dỡ băng rôn	băng rôn	Theo hợp đồng cụ thể từng chuyến	
VII	Nhuận bút tin ảnh, tập san, kỷ yếu, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ do ngành Văn hóa phát hành			
1	Biên tập tin ảnh	Tờ	100 - 130	
2	Biên tập tập san, tài liệu, kỷ yếu	Tập	250 - 600	
3	Chịu trách nhiệm xuất bản	Tập	250 - 600	
4	Họa sĩ: đồ họa, maket tập san	Tập	200 - 250	
5	Morate (dò sửa tin ảnh)	Tờ	60	
6	Morate (dò sửa tập san, tài liệu, kỷ yếu)	Tập	200	
7	Bài viết cổ động	Bài	100 - 150	
8	Bài viết từ 500 đến 800 chữ	Bài	100 - 150	
9	Bài viết từ 800 chữ trở lên	Bài	150 - 200	
10	Tin vắn	Bài	50 - 100	
11	Thơ	Bài	50 - 100	
12	Tranh biếm họa, câu đối	Tranh, câu	50 - 100	

13	Ảnh sử dụng làm trang bìa	Ảnh	130	
14	Ảnh thời sự + chú thích	Ảnh	30 - 50	
15	Ảnh nghệ thuật	Ảnh	80	
16	Maket tin ảnh	Tờ	100	
17	Trình bày trang bìa tập san, tài liệu	Bìa	250	
18	Đề cương tin ảnh	Tờ	80-100	
19	Đề cương Tập san: dưới 50 trang	Tập	100 - 130	
20	Đề cương Tập san: trên 50 trang	Tập	120 - 150	
21	Biên tập ảnh triển lãm: 30 ảnh trở lên	Cuộc	100 - 130	
22	Cắt decal panô khẩu hiệu	m2	30 - 40	
B	CẤP QUẬN, HUYỆN	+ Mức chi bằng 70 % mức chi của thành phố đối với các loại hình. Riêng mức chi về cổ động trực quan bằng mức chi của thành phố. + Khi tham dự liên hoan, hội thi , hội diễn cấp thành phố trở lên được chi theo mức chi cấp thành phố.		
C	CẤP XÃ, PHƯỜNG	+ Mức chi bằng 50 % mức chi của thành phố đối với các loại hình. Riêng mức chi về cổ động trực quan bằng mức chi của thành phố. + Khi tham dự liên hoan, hội thi, hội diễn cấp quận, huyện trở lên được chi theo mức chi cấp quận, huyện.		
D	HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP	Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của thành phố hoạt động có doanh thu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ- CP ngày 11 tháng 06 năm 2002 của Chính Phủ về chế độ nhuận bút. Đối với các hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị không có doanh thu của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thành phố đề nghị chi bằng mức chi hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật của quần chúng. Đối với những trường hợp phải thuê mướn các tác giả chuyên nghiệp dàn dựng theo yêu cầu, đề nghị thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng vở diễn, chương trình cụ thể.		

Phụ lục 2

CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG TRONG HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2009/QĐ-UBND

ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Loại hình	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
I	Ăn thường xuyên			
1	Năng khiếu bán tập trung	buổi	15.000	
2	Năng khiếu tập trung	ngày	25.000	
3	Đội tuyển trẻ thành phố	ngày	35.000	
4	Đội tuyển thành phố	ngày	45.000	
II	Ăn tập luyện			
1	Năng khiếu bán tập trung	ngày	25.000	Thực hiện theo Thông tư số 103/2004/TTLT/BTC-UBTDTT
2	Đội tuyển năng khiếu	ngày	25.000	
3	Đội tuyển trẻ thành phố	ngày	35.000	
4	Đội tuyển thành phố	ngày	45.000	
III	Ăn thi đấu			
1	Năng khiếu bán tập trung	ngày	30.000	Thực hiện theo Thông tư số 103/2004/TTLT/BTC-UBTDTT
2	Đội tuyển năng khiếu	ngày	45.000	
3	Đội tuyển trẻ thành phố	ngày	45.000	
4	Đội tuyển thành phố	ngày	60.000	
	Khi có nhu cầu bổ sung vận động viên và huấn luyện viên cho các đội thì vận động viên và huấn luyện viên thuộc đội nào thì hưởng chế độ theo đội đó.			
IV	Tiền công đối với vận động viên và huấn luyện viên không hưởng lương từ ngân sách			
1	Đối với huấn luyện viên	ngày	55.000	- Thực hiện theo Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg. - Vận động viên bổ sung tính theo số ngày được triệu tập

2	Đối với vận động viên			
	- Đội năng khiếu bán tập trung	ngày	15.000	
	- Đội tuyển năng khiếu	ngày	15.000	- Thực hiện theo Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg. - Vận động viên bổ sung tính theo số ngày được triệu tập
	- Đội tuyển trẻ thành phố	ngày	25.000	
	- Đội tuyển thành phố	ngày	50.000	
	Khi có nhu cầu bổ sung vận động viên và huấn luyện viên cho các đội thi vận động viên và huấn luyện viên thuộc đội nào thì hưởng chế độ theo đội đó.			
V	Chế độ định mức về trang phục của vận động viên và dụng cụ tập luyện Đơn vị căn cứ nhu cầu thực tế và dự toán được giao hàng năm để trang bị cho phù hợp.			
VI	Định mức chi tổ chức các giải thể thao: - Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT ngày 17/11/2006 của liên Bộ Tài chính và Ủy ban Thể dục Thể thao - Các giải thi đấu cấp quận, huyện, xã, phường, Hội thao các ngành: Tùy theo ngân sách địa phương, đơn vị nhưng không được vượt định mức quy định trên.			

Ghi chú:

- Thời gian tập luyện của đội bóng đá theo quy định và Điều lệ giải.
- Thời gian tập luyện của các môn còn lại theo tính chất giải.